



BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

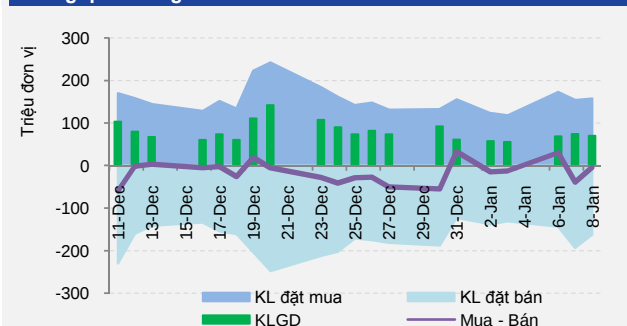
Phiên giao dịch ngày:

8/1/2014

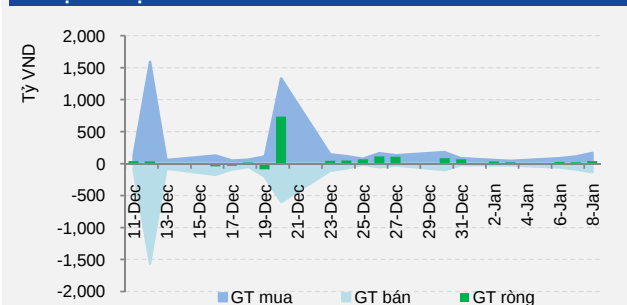
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	513.9	70.0
% Thay đổi	↑ 0.7%	↑ 0.7%
KLGD (CP)	70,296,940	56,206,306
GTGD (tỷ đồng)	1,082.55	454.50
Tổng cung (CP)	162,280,900	95,501,400
Tổng cầu (CP)	157,824,000	99,318,900

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	3,940,350	275,900
KL mua (CP)	4,707,960	741,200
GTmua (tỷ đồng)	170.40	8.70
GT bán (tỷ đồng)	132.79	5.91
GT ròng (tỷ đồng)	37.60	2.78

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.67%	7.3	1.6	2.0%
Công nghiệp	↑ 0.35%	263.5	1.2	21.1%
Dầu khí	↑ 4.95%	8.4	1.6	8.2%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 1.11%	14.6	2.0	2.9%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.73%	9.1	3.0	1.6%
Hàng Tiêu dùng	↑ 1.06%	12.3	4.9	9.7%
Ngân hàng	↑ 0.44%	10.9	1.3	6.2%
Nguyên vật liệu	↑ 0.42%	10.5	2.1	6.7%
Tài chính	↑ 0.18%	17.3	2.4	36.9%
Tiền ích Cộng đồng	↑ 0.73%	9.3	3.4	4.6%
VN - Index	↑ 0.74%	12.2	2.9	71.1%
HNX - Index	↑ 0.75%	17.9	1.7	28.9%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	1,116,460	1.5%	1,054,318	1.4%
GTGD (tỷ VND)	26,120	2.2%	17,441	1.5%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Chỉ số VN-Index tiếp phiên tăng điểm sau thời gian đầu phiên điều chỉnh nhẹ, bù lại khoảng trống đã thiết lập trong phiên giao dịch trước (tương đương khoảng 509 điểm). Với phiên tăng điểm hôm nay, giá đóng cửa của chỉ số VN-Index là cao nhất trong xu hướng tăng thiết lập từ tháng 9/2013. Phiên tăng điểm khá mạnh với thanh khoản giảm nhẹ chưa cho tín hiệu đủ tin cậy về khả năng tăng qua ngưỡng cản kỹ thuật 513 điểm. Tuy nhiên các chỉ báo động lực thị trường vẫn đang cho tín hiệu cải thiện hơn, lực cầu mua vào khá tích cực và chủ động, dù áp lực cung giá cao không nhỏ. Ngưỡng cản kỹ thuật quan trọng đối với thị trường là đường biên trên của kênh giá, tương đương 520 điểm. Với thực tế KLGD toàn thị trường chậm cải thiện, chúng tôi bảo lưu quan điểm chỉ số VN-Index trong ngắn hạn khó thoát khỏi kênh dao động hẹp đã thiết lập. Trong xu hướng chung thị trường dao động tích lũy, dòng tiền dự báo tiếp tục có sự phân hóa. Nhóm cổ phiếu Bluechips đầu ngành, cổ phiếu thuộc ngành nghề kỳ vọng khả quan năm 2014 sẽ diễn biến tích cực hơn thị trường chung.

Chỉ số HNX-Index tiếp tục phiên tăng điểm với thanh khoản tăng khá mạnh so với phiên giao dịch trước. Với phiên tăng điểm hôm nay, HNX-Index đã tăng đến ngưỡng cản kỹ thuật đường biên trên của kênh giá, tương đương khoảng 69.5-70 điểm. Áp lực cung giá cao đã tăng đáng kể khi HNX-Index chạm đường biên trên của kênh giá, tuy nhiên lực cầu mua vào vẫn khá tích cực. Trong ngắn hạn, chỉ số HNX-Index dự báo phản ứng với ngưỡng cản kỹ thuật của đường biên trên của kênh tăng giá, đặc biệt khi RSI phát tín hiệu quá mua. Tuy nhiên mức độ điều chỉnh dự kiến không nhiều, đặc biệt khi dòng tiền tại sàn HNX có sự tập trung vào nhóm cổ phiếu dự kiến có triển vọng trong năm 2014. Xu hướng tăng điểm trong trung dài hạn vẫn đang duy trì.

- VN-Index tăng 3.78 điểm (0.74%), lên 513.90 điểm, sát mức cao nhất thiết lập trong phiên. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 509.01 điểm.

- HNX-Index tăng 0.52 điểm (0.75%), lên 69.99 điểm, sát mức cao nhất thiết lập trong phiên (70.03 điểm).

- Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ TN&MT và Bộ Tài chính nhanh chóng xây dựng các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai (sửa đổi), trình Chính phủ trước ngày 1/7/2014, đưa Luật Đất đai mới vào thực tiễn khai ngay khi có hiệu lực thi hành. Động thái này nhằm tháo gỡ khó khăn, bắt cập trong cơ chế quản lý đất đai hiện nay, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến việc thu hồi đất, đền bù, giá đất. Luật Đất đai 2013 - được Quốc hội thông qua ngày 29/11 tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIII có 9 điểm mới so với Luật Đất đai 2003, trong đó làm rõ các trường hợp Nhà nước thu hồi đất, nguyên tắc định giá đất bồi thường, hỗ trợ tái định cư, có hiệu lực thi hành từ 1/7/2014.

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam EVN năm 2014 đặt mục tiêu sản xuất kinh doanh điện có lãi và giá bán điện bình quân năm 2014 tăng lên 1.533,09 đồng/kWh. Với mức mục tiêu có lãi mà EVN đã đặt ra, giá điện năm 2014 sẽ tăng thêm ít nhất 34 đồng/kWh. Vào tháng 11/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định phê duyệt khung giá bán lẻ điện bình quân. Theo đó, giá bán lẻ điện bình quân từ năm 2013-2015 (chưa tính thuế VAT) sẽ từ 1.437-1.835 đồng/kWh. Với mức tăng tối đa đến năm 2015 là 1.835 đồng/kWh, giá điện sẽ tăng thêm gần 22% so với hiện nay.

- Tại tọa đàm Chính sách tài chính tín dụng BĐS năm 2014, Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia cho biết tín dụng BĐS sẽ tiếp tục được xem xét đẩy mạnh. Lãi suất tín dụng lĩnh vực BĐS thời gian qua đã kéo giảm được nhiều và năm 2014 dựa vào tình hình kinh tế vĩ mô, lạm phát sẽ tiếp tục hạ lãi suất. Tuy nhiên sẽ xem xét kỹ từng phân khúc, từng dự án để có mức phân bổ tín dụng hợp lý về vốn và lãi suất.

VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Đi ngang	Tăng	Đi ngang

Ghi chú:
 Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:
 Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index tăng 3.78 điểm (0.74%), lên 513.90 điểm, sát mức cao nhất thiết lập trong phiên. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 509.01 điểm.

- KLGD giảm nhẹ 4% so với phiên trước, xuống 68 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 tăng lên mức 62 điểm, động lực thị trường tiếp tục cải thiện. Chỉ báo MACD 9 ngày tiếp tục nổi rộng khoảng cách phía trên đường tín hiệu, chỉ báo về xu hướng tăng điểm.

Nhận định: Chỉ số VN-Index tiếp phiên tăng điểm sau thời gian đầu phiên điều chỉnh nhẹ, bù lại khoảng trống đã thiết lập trong phiên giao dịch trước (tương đương khoảng 509 điểm).

Với phiên tăng điểm hôm nay, giá đóng cửa của chỉ số VN-Index là cao nhất trong xu hướng tăng thiết lập từ tháng 9/2013. Phiên tăng điểm khá mạnh với thanh khoản giảm nhẹ chưa cho tín hiệu đủ tin cậy về khả năng tăng qua ngưỡng cản kỹ thuật 513 điểm. Tuy nhiên các chỉ báo động lực thị trường vẫn đang cho tín hiệu cải thiện hơn, lực cầu mua vào khá tích cực và chủ động, dù áp lực cung giá cao không nhỏ.

Ngưỡng cản kỹ thuật quan trọng đối với thị trường là đường biên trên của kênh giá, tương đương 520 điểm. Với thực tế KLGD toàn thị trường chậm cải thiện, chúng tôi bảo lưu quan điểm chỉ số VN-Index trong ngắn hạn khó thoát khỏi kênh dao động hẹp đã thiết lập. Trong xu hướng chung thị trường dao động tích lũy, dòng tiền dự báo tiếp tục có sự phân hóa. Nhóm cổ phiếu Bluechips đầu ngành, cổ phiếu thuộc ngành nghề kỳ vọng khả quan năm 2014 sẽ diễn biến tích cực hơn thị trường chung.

HNX-INDEX

- HNX-Index tăng 0.52 điểm (0.75%), lên 69.99 điểm, sát mức cao nhất thiết lập trong phiên (70.03 điểm).

- KLGD tăng 36% so với phiên giao dịch trước, lên 54 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI 14 tiếp tục tăng lên mức 77.7 điểm, tiến sâu vào mức quá mua. Chỉ báo MACD 9 ngày nổi rộng khoảng cách phía trên đường tín hiệu, chỉ báo về xu hướng tăng.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tiếp tục phiên tăng điểm với thanh khoản tăng khá mạnh so với phiên giao dịch trước. Với phiên tăng điểm hôm nay, HNX-Index đã tăng đến ngưỡng cản kỹ thuật đường biên trên của kênh giá, tương đương khoảng 69.5-70 điểm. Áp lực cung giá cao đã tăng đáng kể khi HNX-Index chạm đường biên trên của kênh giá, tuy nhiên lực cầu mua vào vẫn khá tích cực.

Chỉ số HNX-Index cho tín hiệu khá tích cực về kỹ thuật. Trong ngắn hạn, chỉ số HNX-Index dự báo phản ứng với ngưỡng cản kỹ thuật của đường biên trên của kênh tăng giá, đặc biệt khi RSI phát tín hiệu quá mua. Tuy nhiên mức độ điều chỉnh dự kiến không nhiều, đặc biệt khi dòng tiền tại sàn HNX có sự tập trung vào nhóm cổ phiếu dự kiến có triển vọng trong năm 2014. Xu hướng tăng điểm trong trung dài hạn vẫn đang duy trì.

TOP CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 9 THÁNG 2013 CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	GAS	HOSE	17066.94	104.3%	2989.03	120.4%	48869.23	92.1%	10189.98	42.5%	132.5%	219.0%
2	VIC	HOSE	8469.59	660.5%	1874.71	1964.3%	11600.52	228.9%	5956.06	340.6%	79.4%	1278.0%
3	VNM	HOSE	8027.72	121.3%	1690.47	121.1%	22774.57	116.8%	5064.09	21.4%	81.3%	4900.0%
4	DPM	HOSE	1902.32	56.4%	365.09	65.7%	8001.97	76.5%	1958.21	-21.5%	102.3%	2949.0%
5	HPG	HOSE	4194.85	104.3%	496.09	171.8%	12474.01	98.8%	1464.62	78.9%	122.1%	4492.0%
6	PPC	HOSE	1200.53	174.8%	99.43	181.8%	4845.61	167.8%	1399.38	1791.8%	417.2%	1130.0%
7	PVD	HOSE	3865.87	116.1%	520.03	105.8%	10395.31	124.9%	1392.61	20.6%	102.4%	3879.0%
8	FPT	HOSE	12000.6	121.6%	330.59	97.7%	29948.2	105.2%	1133.7	3.9%	57.1%	4900.0%
9	PVS	HNX	7665.17	114.1%	482.2	137.1%	19289.7	106.3%	1024.4	8.8%	129.7%	2329.0%
10	REE	HOSE	560.74	101.6%	199.87	260.2%	1683.5	97.0%	838.95	71.8%	129.1%	4503.0%

CỔ PHIẾU CÓ KẾT QUẢ KINH DOANH LỖ TRONG 2 NĂM LIÊN TIẾP VÀ 9T/2013

STT	Mã	Sàn	LNST 2011	LNST 2012	LNST Q1 (tỷ)	% so Q1.2012	LNSTQ2 (tỷ)	% so Q2.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	LNST 9T (tỷ)	% so 9T.2012
1	GGG	HNX	(65.26)	(27.34)	0.07	100.8%	(7.05)	11.8%	(7.01)	6.8%	(13.99)	42.6%
2	HHL	HNX	(12.96)	(14.13)	(0.78)	80.5%	(2.89)	20.8%	(0.75)	48.3%	(4.42)	51.4%
3	ILC	HNX	(31.81)	(9.76)	(3.74)	-94.8%	(5.22)	31.9%	(3.41)	-1520.8%	(12.37)	-32.3%
4	KSD	HNX	(16.43)	(34.90)	(0.81)	95.9%	(1.62)	88.1%	1.11	223.3%	(1.32)	96.1%
5	MIC	HNX	(15.16)	(9.73)	0.16	106.0%	0.10	102.1%	(1.07)	-136.9%	(0.81)	82.4%
6	MMC	HNX	(2.78)	(3.96)	(2.74)	-3.4%	(1.04)	-79.3%	(1.17)	-20.6%	(4.95)	-17.9%
7	PHS	HNX	(47.39)	(101.47)	(2.27)	83.6%	(3.73)	89.8%	(8.13)	48.8%	(14.13)	78.7%
8	PVA	HNX	(2.16)	(144.87)	(2.43)	-169.8%	(16.29)	-1562.2%	(3.71)	70.9%	(22.43)	-118.8%
9	PVX	HNX	(19.12)	(1,338.39)	(31.87)	-578.5%	(1,194.45)	-151.7%	(173.22)	-1095.4%	(1,399.54)	-190.2%
10	S96	HNX	(46.90)	(5.15)	(0.79)	13.2%	(0.19)	79.3%	(0.31)	80.3%	(1.29)	62.1%
11	SDB	HNX	(28.93)	(35.74)	(8.37)	-46.8%	(14.75)	-38.6%	(9.89)	-5.2%	(33.01)	-28.2%
12	SDY	HNX	(17.88)	(4.83)	(4.01)	-56.0%	(3.68)	-183.1%	(0.81)	-143.1%	(8.50)	-327.1%
13	SHN	HNX	(146.02)	(127.02)	(2.70)	84.4%	(53.16)	22.0%	(6.75)	72.0%	(62.61)	42.9%
14	SJM	HNX	(8.38)	(11.54)	(0.91)	-175.8%	0.23	103.5%	0.07	102.3%	(0.61)	93.9%
15	VCV	HNX	(6.54)	(44.15)	(9.80)	-230.0%	(15.31)	-42.3%	(6.80)	30.7%	(31.91)	-35.6%
16	VHH	HNX	(3.77)	(1.34)	(1.98)	-275.2%	0.25	-51.9%	(1.29)	32.8%	(3.02)	-1018.5%
17	VTC	HNX	(7.55)	(3.28)	(2.53)	23.3%	(0.80)	28.6%	0.26	117.9%	(3.07)	47.7%

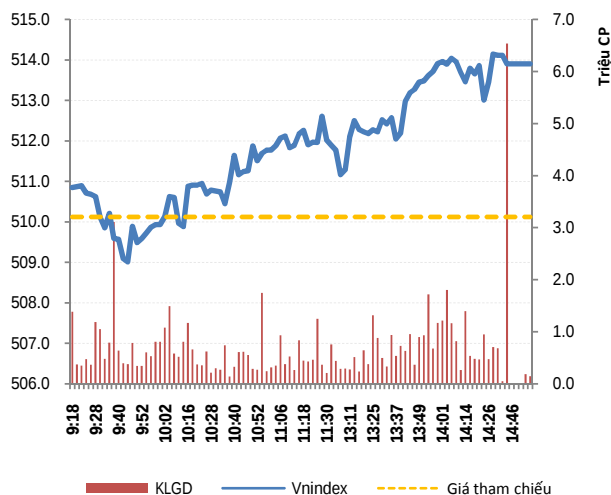
Ghi chú: Top cổ phiếu lợi nhuận chỉ lọc những CP có KLGD bình quân trong 1 tháng gần nhất trên 50.000 cổ phiếu/phiên

Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 11/12/2013

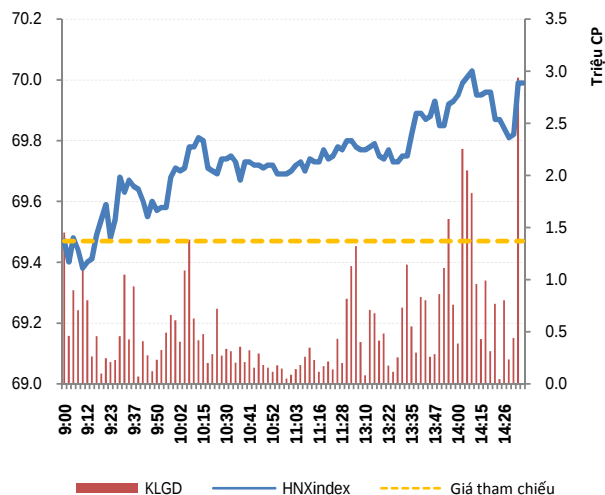
EPS tính theo 4 quý gần nhất, BVPS tính theo BCTC gần nhất



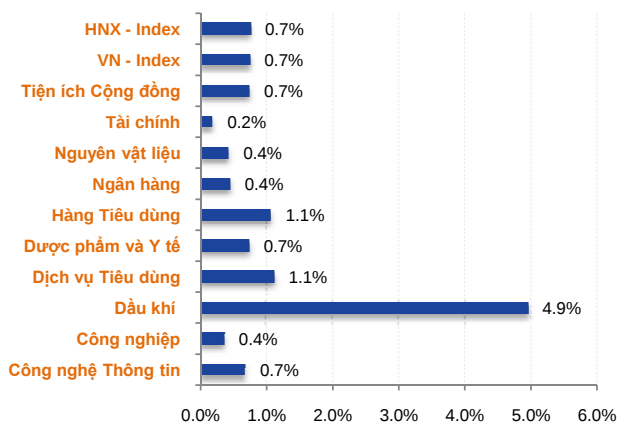
KLGD và VN-Index trong phiên



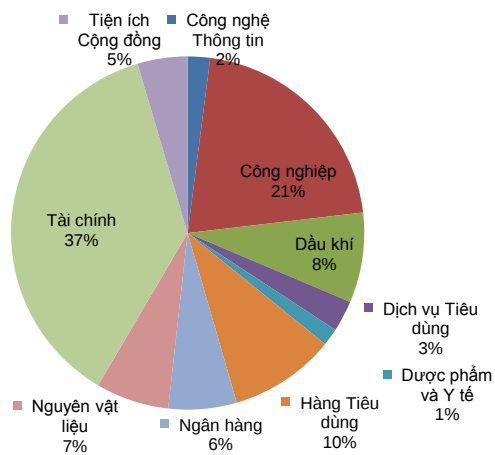
KLGD và HNX-Index trong phiên



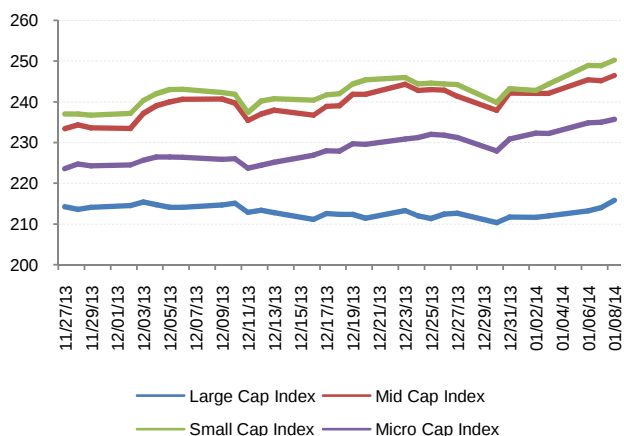
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



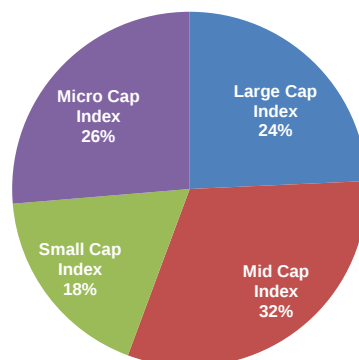
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VCB	451,900	HAG	207,350
2	PVD	275,740	ITA	201,260
3	SBT	207,680	VSH	136,540
4	TDH	200,000	TLH	120,000
5	DIG	128,310	DPM	100,380

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHB	227,600	VCS	45,000
2	SHN	60,000	DBC	40,000
3	BVS	55,200	BCC	11,400
4	PGS	41,100	PVS	10,600
5	GGG	40,000	NPS	10,200

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SSI	18.0	19.0	↑ 5.56%	6,898,640
FLC	9.4	9.2	↓ -2.13%	5,855,460
ITA	6.5	6.4	↓ -1.54%	4,797,150
HQC	7.8	7.9	↑ 1.28%	1,934,340
PVT	11.4	11.6	↑ 1.75%	1,821,770

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHN	4.6	5.0	↑ 7.91%	6,498,492
PVX	3.3	3.3	↓ -0.82%	6,497,835
KLS	9.1	9.1	↑ 0.32%	4,313,240
SCR	7.7	7.8	↑ 1.47%	4,090,950
VND	10.5	10.8	↑ 2.82%	3,366,447

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PXM	1.4	1.5	0.1	↑ 7.14%
HDG	15.9	17.0	1.1	↑ 6.92%
PGI	9.0	9.6	0.6	↑ 6.67%
PVD	61.0	65.0	4.0	↑ 6.56%
PXI	4.6	4.9	0.3	↑ 6.52%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SDC	6.4	7.4	1.0	↑ 15.63%
NVC	2.0	2.2	0.2	↑ 10.00%
VE4	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%
SGC	25.1	27.5	2.4	↑ 9.56%
GMX	14.9	16.3	1.4	↑ 9.40%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SFC	24.5	22.8	-1.7	↓ -6.94%
EVE	29.0	27.0	-2.0	↓ -6.90%
TNA	27.7	25.8	-1.9	↓ -6.86%
TTP	28.0	26.1	-1.9	↓ -6.79%
RDP	15.1	14.1	-1.0	↓ -6.62%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SRA	3.0	2.7	-0.3	↓ -9.97%
TAG	36.5	32.9	-3.6	↓ -9.86%
NHA	4.1	3.7	-0.4	↓ -9.76%
L35	5.2	4.7	-0.5	↓ -9.62%
PHH	4.0	3.6	-0.4	↓ -9.35%

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	6,898,640	9.9%	1,471	12.9	1.3
FLC	5,855,460	6.3%	990	9.3	0.6
ITA	4,797,150	0.2%	26	248.4	0.6
HQC	1,934,340	4.2%	452	17.5	0.7
PVT	1,821,770	5.9%	680	17.1	1.0

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHN	6,498,492	-135.7%	(2,464)	-	6.1
PVX	6,497,835	-92.1%	(5,013)	-	0.9
KLS	4,313,240	6.4%	810	11.5	0.7
SCR	4,090,950	-1.1%	(160)	-	0.5
VND	3,366,447	10.9%	1,305	8.4	0.9

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PXM	↑ 7.1%	670.8%	(12,445)	-	(0.3)
HDG	↑ 6.9%	17.4%	2,173	7.8	1.3
PGI	↑ 6.7%	6.5%	741	12.9	0.8
PVD	↑ 6.6%	20.2%	6,604	9.8	1.8
PXI	↑ 6.5%	-0.8%	(87)	-	0.5

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SDC	↑ 15.6%	6.6%	1,254	5.9	0.4
NVC	↑ 10.0%	442.9%	(8,371)	-	(0.4)
VE4	↑ 10.0%	6.9%	987	8.9	0.6
SGC	↑ 9.6%	19.9%	3,103	8.9	1.7
GMX	↑ 9.4%	16.0%	2,238	7.2	1.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	451,900	9.8%	1,757	16.0	1.6
PVD	275,740	20.2%	6,604	9.8	1.8
SBT	207,680	18.3%	2,383	5.1	1.0
TDH	200,000	1.9%	663	22.2	0.4
DIG	128,310	0.2%	28	453.3	0.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	227,600	17.1%	1,884	3.7	0.6
SHN	60,000	-135.7%	(2,464)	-	6.1
BVS	55,200	6.9%	1,113	10.8	0.7
PGS	41,100	24.7%	5,502	5.5	1.3
GGG	40,000	-566.7%	(1,900)	-	713.7

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	127,913	40.9%	6,696	10.1	3.8
VNM	113,352	40.5%	8,053	16.9	6.7
VCB	65,119	9.8%	1,757	16.0	1.6
VIC	63,611	47.1%	6,710	10.4	3.9
MSN	62,100	2.7%	554	152.5	4.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,560	7.5%	1,027	15.4	1.1
PVS	10,229	17.3%	2,872	8.0	1.3
SQC	8,602	1.6%	198	395.7	6.4
SHB	6,114	17.1%	1,884	3.7	0.6
OCH	5,500	5.9%	687	40.0	2.6

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
CLG	4.71	12.5%	1,402	6.4	0.8
PXM	2.45	670.8%	(12,445)	-	(0.3)
VPH	2.29	4.3%	626	13.4	0.5
DIG	2.21	0.2%	28	453.3	0.8
FLC	2.10	6.3%	990	9.3	0.6

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TTZ	9.20	-0.2%	(21)	-	0.4
SHN	8.72	-135.7%	(2,464)	-	6.1
NVC	5.60	442.9%	(8,371)	-	(0.4)
PXA	5.38	-101.5%	(5,461)	-	0.6
PSG	4.74	523.5%	(5,116)	-	(1.0)



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)